

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty.

Trường Đại học Quốc tế có nhu cầu xây dựng dự toán mua sắm: Hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ phục vụ cho giảng dạy thực hành PTN như sau:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Mã hàng	Nơi sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hóa chất					
1	100bp DNA ladder	- Được khuyến nghị để định cỡ và định lượng gần đúng DNA mạch đôi trong phạm vi từ 100 bp đến 1.000 bp trên gel agarose hoặc polyacrylamide. Thang DNA bao gồm 10 đoạn DNA và được cung cấp cùng 6X TriTrack DNA Loading Dye. - Dễ dàng quan sát —theo dõi ba màu di chuyển DNA trong quá trình điện di với 6X TriTrack DNA Loading Dye (chứa Xylene Cyanol FF, Bromophenol Blue và Orange G) - Đơn giản —một thuốc nhuộm tải cho nhiều loại mẫu - Các dải sắc nét —kết quả rõ ràng với hỗn hợp các đoạn DNA tinh khiết sắc ký riêng lẻ	SM0241	Thermo	Ống/50ug (0.5ug/ul)	2
2	6X GelRed Loading Buffer with Tricolor	- Là chất nhuộm acid nucleic phát huỳnh quang và dung dịch nạp mẫu giúp theo dõi quá trình điện di - Thành phần: Có 3 loại thuốc nhuộm Bromophenol Blue, Xylene Cyanol FF và Orange G giúp theo dõi trực quan sự di chuyển nucleic acid quá trình điện di - Bảo quản: 2-8°C	DD-012	ABT	Ống/1ml	3
3	Absolute Ethanol	- Công thức hoá học: C ₂ H ₅ OH - Khối lượng phân tử: 46,07		Trung Quốc	Chai/500ml	13

		- Độ tinh sạch: >99,7% - Trạng thái: dạng lỏng, không màu, dễ cháy				
4	Acetone	- Công thức hoá học: CH_3COCH_3 - Khối lượng phân tử: 58,08 - Độ tinh sạch: >99,5% - Trạng thái: dạng lỏng, không màu, dễ cháy		Trung Quốc	Chai/500ml	6
5	Acid Acetic	- Công thức hoá học: CH_3COOH - Khối lượng phân tử: 60,05 - Độ tinh sạch: 99,5% - Trạng thái: dạng lỏng, không màu		Trung Quốc	Chai/500mL	1
6	Agar	- Bột agar- Trạng thái: dạng bột, màu trắng- Không hoá chất phẩm màu		Việt Nam	Bịch/500 g	1
7	Alpha-amylase from saliva	Type XIII-A, dạng bột đông khô, hàm lượng 300-1,500 units/mg protein	A1031-1KU	Sigma	Chai/1 KU	1
8	Aluminum chloride hexahydrate	- Công thức hoá học: $\text{AlCl}_3.6\text{H}_2\text{O}$ - Khối lượng phân tử: 241,43 - Độ tinh sạch: $\geq 97,0\%$ - Trạng thái: dạng tinh thể màu trắng		Trung Quốc	Chai/500 g	1
9	Ammonium Hydroxide (Ammonia solution)	- Công thức hoá học: NH_3 - Khối lượng phân tử: 17,03 - Độ tinh sạch: 25-28% - Trạng thái: dạng dung dịch không màu, có mùi khai		Trung Quốc	Chai/500ml	3
10	Ammonium oxalate	- Công thức hoá học: $(\text{NH}_4)_2\text{C}_2\text{O}_4.2\text{H}_2\text{O}$ - Khối lượng phân tử: 142,11 - Độ tinh sạch: $\geq 99,5\%$ - Trạng thái: dạng tinh thể màu trắng		Trung Quốc	Chai/500 g	1
11	Ammonium Persulfate	- Công thức hoá học: $(\text{NH}_4)_2\text{S}_2\text{O}_8$ - Khối lượng phân tử: 228,20 - Độ tinh sạch: $\geq 99,5\%$ - Trạng thái: dạng tinh thể màu trắng		Trung Quốc	chai/500g	2
12	Ampicillin sodium salt	- Tên gọi khác: D-(-)-α-Aminobenzylpenicillin sodium salt - Công thức hoá học: $\text{C}_{16}\text{H}_{18}\text{N}_3\text{NaO}_4\text{S}$ - Khối lượng phân tử: 371,39 - Nguồn sinh học: tổng hợp (hoá học) - Trạng thái: dạng bột, màu trắng đến trắng ngà	A9518-5G	Sigma	Chai/5g	2

		- Nhiệt độ nóng chảy: 215 °C - Độ hoà tan trong nước: 50 g/L - Phổ hoạt động kháng sinh: vi khuẩn gram âm và gram dương - Bảo quản: 2-8°C				
13	Bacterial Strain JM109 (DE3)	- Chủng vi khuẩn JM109(DE3) - Chứa một gen có thể cảm ứng IPTG cho RNA polymerase T7 - Yêu cầu một vị trí liên kết ribosome với trình tự được nhân bản - Thiếu lựa chọn sao chép màu xanh/trắng - Bảo quản: -65°C	P9801	Promega	Tuýp/500uL	1
14	Bacteriological Peptone	- Trạng thái: dạng bột chảy tự do đồng nhất màu vàng nhạt đến vàng nâu, có mùi đặc trưng nhưng không bị thối rữa- Độ hòa tan: tan tự do trong nước cất/nước tinh khiết, không tan trong cồn.- Độ trong: dung dịch nước 2% w/v vẫn trong và trung tính, không có vẩn đục sau khi hấp tiệt ở áp suất 15 lbs (121°C) trong 15 phút.- pH của dung dịch nước 2% w/v ở 25°C 6,1- 7,1- Tải lượng vi khuẩn:+ Số lượng vi khuẩn: <= 2000 CFU/gam theo phương pháp đĩa, khi ủ ở 30-35°C trong không ít hơn 3 ngày+ Số lượng nấm men & nấm mốc: <= 100 CFU/gam theo phương pháp đĩa, khi ủ ở 20-25°C trong không ít hơn 5 ngày.	RM001-100G	Himedia	Chai/100 g	1
15	Beta-Glucosidase from almond	- Tên gọi khác: β-D-Glucoside glucohydrolase - Trạng thái: dạng bột đông khô - Hoạt tính riêng: ≥4 U/mg - Khối lượng mol: Mr ~135000 - Bảo quản: 2-8°C	49290-250MG	Sigma	Chai/250 mg	1
16	BHI Broth (Brain-heart infusion broth)	- Được khuyến nghị để nuôi cấy các loại cầu khuẩn gây bệnh khó nuôi cấy và các sinh vật khác liên quan đến việc nuôi cấy máu và các nghiên cứu bệnh lý liên quan. - Thành phần: (g/L) HM infusion powder: 12,5 BHI powder: 5,0 Proteose peptone: 10,0	M210-500G	Himedia	Chai/500g	2

		Dextrose (Glucose): 2,0 Sodium chloride: 5,0 Disodium hydrogen phosphate: 2,5 pH cuối cùng (ở 25°C): 7,4±0.2 - Trạng thái: dạng bột chảy tự do đồng nhất màu vàng đến màu kem				
17	Bismuth Sulphite Agar	- Được khuyến nghị để phân lập và định lượng chọn lọc các loài Salmonella từ các mẫu thực phẩm. - Thành phần: (g/L) Peptone: 10,0 HM extract: 5,0 Dextrose (Glucose): 5,0 Disodium hydrogen phosphate, anhydrous: 4,0 Ferrous sulphate, anhydrous: 0,3 Bismuth sulphite indicator: 8,0 Brilliant green: 0,025 Agar: 20,0 pH cuối cùng (ở 25°C): 7,7±0.2 - Trạng thái: dạng bột chảy đồng nhất, màu vàng nhạt đến vàng lục.	M027-100G	Himedia	chai/100g	1
18	Bovine Serum Albumin	- Tên gọi khác: Albumin bovine serum, BSA, Bovine albumin - Nguồn sinh học: bò - Độ tinh sạch: ≥98% - Trạng thái: dạng bột đông khô - Khối lượng mol: ~66 kDa - Tinh sạch bằng phân đoạn sốc nhiệt - Tạp chất: ≤5,0% hao hụt khi sấy khô - pH: 7 - Độ hoà tan trong nước: 40 mg/ml - Bảo quản: 2-8°C	A9647-10G	Sigma	Chai/10 g	1
19	Brilliant Green Bile Lactose Broth 2%	- Được khuyến nghị để phát hiện và xác nhận vi khuẩn coliform trong nước, nước thải, thực phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa. - Thành phần: (g/L) Peptone: 10,0 Lactose: 10,0 Bile: 20,0 Brilliant green: 0,0133 pH cuối cùng (ở 25°C): 7,2±0,2 - Trạng thái: dạng bột chảy tự do đồng nhất màu kem đến xanh nhạt	M121-100G	Himedia	chai/100g	1

20	Calcium Chloride Dihydrate	- Công thức hoá học: $\text{CaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ - Khối lượng phân tử: 147,02- Độ tinh sạch: $\geq 98,0\%$ - Trạng thái: dạng hạt nhỏ màu trắng, hút ẩm		Trung Quốc	Chai/500 g	1
21	Chloroform	- Công thức hoá học: CHCl_3 - Khối lượng phân tử: 119,38 - Khối lượng riêng: 1,48 g/cm ³ - Trạng thái: dạng lỏng, không màu, có mùi ngọt đặc trưng		Trung Quốc	Chai/500ml	3
22	Cobalt chloride hexahydrate	- Công thức hoá học: $\text{CoCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$ - Khối lượng phân tử: 237,93 - Độ tinh sạch: $\geq 99,0\%$ - Trạng thái: dạng tinh thể màu đỏ tía, tím		Trung Quốc	Chai/500 g	1
23	Cồn 96 độ	- Công thức hoá học: $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ - Độ tinh sạch: 96% - Trạng thái: dạng lỏng, không màu		Việt Nam	Can/30L	18
24	Copper sulphate	- Công thức hoá học: $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$ - Khối lượng phân tử: 249,69 - Độ tinh sạch: $\geq 99,0\%$ - Trạng thái: dạng tinh thể màu xanh dương		Trung Quốc	Chai/500 g	1
25	deMan, Rogosa, Sharpe (MRS) agar	- Được khuyến nghị để phân lập và nuôi cấy tất cả các loại Lactobacilli từ thực phẩm, sữa và mẫu lâm sàng - Thành phần: (g/L) Proteose peptone: 10,0 HM Peptone B: 10,0 Yeast extract: 5,0 Dextrose (Glucose): 20,0 Tween 80 (Polysorbate 80): 1,0 Ammonium citrate: 2,0 Sodium acetate: 5,0 Magnesium sulphate: 0,1 Manganese sulphate: 0,05 Dipotassium hydrogen phosphate: 2,0 Agar: 12,0 pH cuối cùng (ở 25°C): $6,5 \pm 0,2$ - Trạng thái: môi trường dạng hạt màu kem đến vàng nhạt	GM641-100G	Himedia	chai/100g	1

26	Diethyl ether	- Công thức hoá học: C ₄ H ₁₀ O- Khối lượng phân tử: 74,123- Khối lượng riêng: 0,7134 g/cm ³ - Trạng thái: dạng lỏng không màu		Trung Quốc	Chai/500ml	2
27	DMEM high glucose	- Tên gọi khác: αMEM, EMEM, MEM - Đã được lọc vô trùng - Trạng thái: dạng lỏng - Phù hợp cho nuôi cấy tế bào - Tạp chất: endotoxin, đã được kiểm tra - Thành phần: + Chứa: Earle's salts (5% CO ₂), sodium pyruvate, glucose, phenol red, NaHCO ₃ + Không chứa: L-glutamine, HEPES, Hanks' salts (2% CO ₂), stable glutamine - Bảo quản: 2-8°C	M4526-500mL	Sigma	Chai/500ml	1
28	DreamTaq PCR Master Mixes (2X)	- Dung dịch đã pha sẵn có chứa DreamTaq DNA Polymerase, đệm DreamTaq được tối ưu hóa, MgCl ₂ và dNTP - Khuếch đại mạnh mẽ với tối ưu hóa tối thiểu - Năng suất cao của sản phẩm PCR - Độ nhạy cao hơn so với Taq DNA polymerase thông thường - Khuếch đại các mục tiêu lên đến 6 kb từ DNA bộ gen và lên đến 20 kb từ DNA virus - Kết hợp các nucleotide đã được sửa đổi, nhưng không kết hợp dUTP - Tải trực tiếp sản phẩm PCR lên gel có định dạng màu xanh lá cây	K1081	Thermo scientific	Hộp/200phản ứng	1
29	DreamTaq™ Hot Start PCR Master Mixes	- Hỗn hợp phản ứng 2X sẵn sàng sử dụng bao gồm DreamTaq Hot Start DNA Polymerase, DreamTaq Buffer, magnesium và dNTP.- Năng suất cao hơn của các amplicon mục tiêu từ lượng mẫu thấp- Tăng cường độ đặc hiệu của phản ứng nhờ công nghệ khởi động nóng đáng tin cậy- Phạm vi độ dài amplicon rộng hơn với sự khuếch đại thường quy các đoạn DNA bộ gen lên đến 6 kb- Thiết lập phản ứng ở nhiệt độ phòng- Tối ưu hóa nồng độ Mg ²⁺ và nhiệt độ gắn mỗi tối thiểu nhờ đệm	K9011	Thermo Fisher	ống/1 mL (200 test/bộ)	1

		phản ứng được tối ưu hóa- Quy trình làm việc đơn giản hóa và giảm thiểu các bước hút bằng định dạng hỗn hợp chính 2X- Tải trực tiếp sản phẩm PCR lên gel có định dạng màu xanh lá cây				
30	Dung dịch bảo quản điện cực	- Dung Dịch Bảo Quản Điện Cực pH và ORP - Kích hoạt lại điện cực bị đọc chậm - Dung dịch không màu: Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ô vàng hoặc nhiễm màu mỗi nối hoặc cell tham chiếu của điện cực.	HI70300L	Hanna	Chai/500 mL	4
31	Dung dịch hiệu chuẩn pH 10.01	- Dung Dịch Hiệu Chuẩn pH 10.01 - Độ chính xác ± 0.01 pH ở 25°C - Dung dịch không màu	HI7010L	Hanna	Chai/500 mL	1
32	Dung dịch hiệu chuẩn pH 4.01	- Dung Dịch Hiệu Chuẩn pH 4.01 - Độ chính xác ± 0.01 pH ở 25°C - Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ô vàng hoặc nhiễm màu mỗi nối hoặc cell tham chiếu của điện cực.	HI7004L	Hanna	Chai/500 mL	3
33	Dung dịch hiệu chuẩn pH 7.01	- Dung Dịch Hiệu Chuẩn pH 7.01 - Độ chính xác ± 0.01 pH ở 25°C - Dung dịch không màu	HI7007L	Hanna	Chai/500 mL	3
34	Egg Yolk Emulsion	- Được khuyến nghị sử dụng trong nhiều môi trường nuôi cấy khác nhau - Thành phần: trong mỗi lọ 50ml Egg yolk: 15ml Nước muối vô trùng: 35ml - Bảo quản: 2 - 8°C	FD045L-50MLX5VL	Himedia	bộ/5vials	1
35	Egg Yolk Tellurite Emulsion	- Được khuyến nghị để xác định loài Staphylococcus- Thành phần: trong mỗi lọ 50mlEgg yolk: 15mlNước muối vô trùng: 32mlDung dịch potassium tellurite 3,5%: 3ml- Bảo quản: 2 - 8°C	FD046L-50MLX5VL	Himedia	bộ/5vials	1
36	Ethylenediamine tetraacetic acid (EDTA)	- Công thức hoá học: C10H16N2O8 - Khối lượng phân tử: 292,24 - Độ tinh sạch: $\geq 99,5\%$ - Trạng thái: dạng bột màu trắng		Trung Quốc	Chai/250g	1
37	Fetal bovine serum (FBS)	- Tên gọi khác: Fetal Calf sera, Fetal Calf serum, FBS, FCS, sera, serum	F7524-500mL	Sigma	Chai/500mL	1

		- Nguồn sinh học: bào thai bò - Đã được lọc vô trùng - Thành phần: huyết sắc tố, ≤ 25 mg/dL - Phù hợp cho nuôi cấy tế bào - Tạp chất: ≤ 10 EU/mL endotoxin - Bảo quản: -20°C				
38	Genomic DNA extraction kit ISOLATE II	- Được thiết kế để tinh sạch nhanh chóng và hiệu quả DNA bộ gen chất lượng cao từ nhiều mẫu nuôi cấy tế bào và mô động vật có vú, máu toàn phần, vi khuẩn và nấm men - Sử dụng công nghệ màng dựa trên silica dưới dạng cột quay tiện lợi - Phổ biến —có thể sử dụng cho cả mẫu tế bào và mô từ nhiều nguồn khác nhau - Hiệu quả —năng suất cao của DNA bộ gen có trọng lượng phân tử cao - Nhanh —quy trình 20 phút sau khi ly giải tế bào - Thuận tiện —cột ly tâm được bịt kín và lắp ráp với các ống thu thập	BIO-52066 hoặc Tương đương	Bioline	Bộ/50 phản ứng	1
39	Hạt hút ẩm silica gel chỉ thị màu	- Công thức hoá học: $\text{SiO}_2 \cdot n\text{H}_2\text{O}$ - Điểm nóng chảy: $>1600^{\circ}\text{C}$ - Điểm sôi: 2230°C - pH: 7 - Trạng thái: dạng hạt màu xanh		Trung Quốc	500 g/chai	2
40	HBs Ag one Version ULTRA (Bộ test kit ELISA phát hiện HBsAg/huyết thanh)	- Hoá chất xét nghiệm ELISA- Xét nghiệm miễn dịch enzyme thể hệ thứ tư để xác định kháng nguyên bề mặt viêm gan B hoặc HBs Ag (bao gồm REC)- Bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$	SAG1ULTRA.CE.96	Diapro	Kit/12 Strip/96 phản ứng	2
41	Hexane	- Công thức hoá học: $\text{CH}_3(\text{CH}_2)_4\text{CH}_3$ - Khối lượng phân tử: 86,17 - Độ tinh sạch: $>97\%$ - Trạng thái: dạng lỏng, không màu, mùi giống như dầu hoả		Trung Quốc	Chai/500ml	8
42	HiPer Counter Current Immunoelectrophoresis Teaching Kit	- Bộ dụng cụ giảng dạy điện di miễn dịch HiPer® Counter Current - Thành phần: Agarose, 50X TAE, Positive Control	HTI007-20PR	Ấn Độ	Kit/20 phản ứng	1

		(Antiserum), Test Antiserum 1, Test Antiserum 2, Test Antiserum 3, Antigen, Glass plate, Template, Gel puncher - Bảo quản: Positive Control, Test Antiserums và Antigen ở 2-8°C, các thành phần khác bảo quản ở nhiệt độ phòng.				
43	HiPer Ouchterlony Double Diffusion Teaching Kit	- Bộ dụng cụ giảng dạy khuếch tán kép HiPer® Ouchterlony (Mẫu kháng nguyên-kháng thể) - Thành phần: Agarose, 10X Assay buffer, Antiserum X, Antiserum Y, Antiserum Z, Antigen X1, Antigen X2, Antigen Y1, Antigen Y2, Antigen Z1, Antigen Z2, Glass plate, Gel puncher, Template - Bảo quản: 10X Assay buffer, Test Antiserum và Antigen ở 2-8°C, các thành phần khác bảo quản ở nhiệt độ phòng	HTI002-10PR	Ấn Độ	Kit/10 phản ứng	2
44	HiPer Radial Immunodiffusion Teaching Kit	- Bộ dụng cụ giảng dạy khuếch tán miễn dịch xuyên tâm HiPer® - Thành phần: Agarose, 10X Assay buffer, Antiserum, Standard Antigen A, Standard Antigen B, Standard Antigen C, Standard Antigen D, Test Antigen 1, Test Antigen 2, Glass plate, Gel puncher, Template - Bảo quản: 10X Assay buffer, Antiserum và Antigens ở 2-8°C, các thành phần khác bảo quản ở nhiệt độ phòng	HTI004-20PR	Ấn Độ	Kit/20 phản ứng	1
45	HiPer Rocket Immunoelectrophoresis Teaching Kit	- Bộ dụng cụ giảng dạy miễn dịch điện di HiPer® Rocket- Thành phần: Agarose, 50X TBE, Antiserum, Standard Antigen 1, Standard Antigen 2, Standard Antigen 3, Standard Antigen 4, Test Antigen A, Test Antigen B, Template, Glass plate, Gel puncher - Bảo quản: Antiserum, Standard và Test Antigens ở 2-8°C, các thành phần khác bảo quản ở nhiệt độ phòng	HTI006-20PR	Ấn Độ	Kit/20 phản ứng	1
46	HotStar Taq Master Mix Kit	- Hỗn hợp sẵn sàng sử dụng của HotStarTaq DNA Polymerase, QIAGEN PCR Buffer và dNTP. HotStarTaq DNA Polymerase, một dạng biến đổi của Taq DNA Polymerase, cung cấp độ đặc hiệu cao trong PCR khởi động nóng. - Thành phần: 3 x 0.85 ml HotStarTaq Master Mix (chứa	203443	Qiagen	Hộp/250phản ứng (10ul Taq/rxn)	1

		250 units HotStarTaq DNA Polymerase, PCR Buffer với 3 mM MgCl ₂ và 400 μM mỗi dNTP) và 2 x 1.7 ml nước RNase-Free				
47	Hydrochloric acid	- Công thức hoá học: HCl - Khối lượng phân tử: 36,46 g/mol - Trạng thái: chất lỏng, không màu hoặc vàng nhạt - Khối lượng riêng: 1,18 g/cm ³		Trung Quốc	Chai/500ml	4
48	Hydrogen peroxide 30%	- Công thức hoá học: H ₂ O ₂ - Khối lượng phân tử: 34,01 - Nồng độ: 30% - Trạng thái: dạng lỏng, không màu, nhớt		Trung Quốc	chai/500ml	5
49	IPTG (Isopropyl β-D-1-thiogalactopyranoside)	- Tên gọi khác: IPTG, Isopropyl β-D-thiogalactoside- Công thức hoá học: C ₉ H ₁₈ O ₅ S- Khối lượng phân tử: 238,30- Không ion- Độ tinh sạch: ≥99% (TLC)- Trạng thái: dạng bột, màu trắng đến trắng ngà- Kỹ thuật phù hợp: sắc ký lớp mỏng (TLC)- Tạp chất: 10,0-22,0% Dioxane- Nhiệt độ nóng chảy: 120 -122 °C ((248 - 252 °F))- Độ hoà tan trong nước: 50 mg/mL, dung dịch trong suốt, không màu- Bảo quản: 2-8°C	I5502-1G	Merck	Chai/1g	2
50	JM109 Competent Cells, High Efficiency	- Tế bào E. coli có khả năng sẵn sàng sử dụng để nhân bản và nhân bản phụ tái tổ hợp - Các tế bào đã sẵn sàng để sử dụng—không cần thời gian chuẩn bị - Hiệu quả chuyển đổi được đảm bảo - Không phải lo lắng về các sự kiện tái tổ hợp không mong muốn (đột biến rec A) và không có sự chuyển tiếp nuclease trong DNA miniprep (đột biến end A)	L2001	Promega	5 × 200μl	1
51	KAPA SYBR® FAST	- Tên gọi khác: SYBR, qPCR - Tính năng: dNTPs included, hotstart - Nồng độ: 2X - Kỹ thuật phù hợp: qPCR - Đầu vào: DNA tinh khiết - Phương pháp phát hiện: SYBR® Green - Nhiệt độ bảo quản: -20°C	KK4600	Merck	ống/1 mL	1
52	L-Ascorbic acid, Hi-AR™/ACS (>=99%)	- Công thức hoá học: C ₆ H ₈ O ₆ - Khối lượng phân tử: 176,13	CMS1014 hoặc Tương đương	Himedia	Chai/25 g	1

		- Trạng thái: dạng bột tinh thể màu trắng - Nhiệt độ nóng chảy: khoảng 190°C - pH: 2,1 ~ 2,6 - Độ trong của dung dịch: trong suốt - Màu sắc của dung dịch: ≤BY7 - Độ tinh sạch: 99,0 ~ 100,5%				
53	Leukemia Inhibitor Factor (LIF)	- Loài: chuột- Hệ thống biểu hiện: Vi khuẩn E. coli- - Trọng lượng phân tử: 19,6 kDa- Lớp: tái tổ hợp- Kiểu: Protein- - Độ tinh sạch: ≥ 98% bởi phân tích SDS-PAGE gel và HPLC- - Nồng độ nội độc tố: 1 EU/μg- - Hoạt động: PeproTech's Murine LIF có hoạt tính sinh học hoàn toàn khi so sánh với các tiêu chuẩn. ED50 được xác định bằng xét nghiệm phân biệt tế bào M1 là ≤ 0,05 ng/ml, tương ứng với hoạt động cụ thể là ≥ 2 x 10⁷ đơn vị/mg.	250-02-5UG	Thermo	Lọ/5UG	3
54	MacConkey Agar	- Được khuyến nghị để nuôi cấy và phân biệt vi khuẩn đường ruột, hạn chế sự tập trung của các loài Proteus từ các mẫu vật như nước tiểu có thể chứa nhiều loài Proteus cũng như các vi khuẩn Gram dương có khả năng gây bệnh. - Thành phần: (g/L) - Peptone: 20,0 - Lactose: 10,0 - Sodium taurocholate: 5,0 - Neutral red: 0,04 - Agar: 20,0 - pH cuối cùng (ở 25°C): 7,4±0,2 - Trạng thái: dạng bột chảy tự do đồng nhất màu vàng nhạt đến hồng	M082-500G	Himedia	Chai/500g	2
55	Magnesium Sulfate Heptahydrate	- Công thức hoá học: MgSO₄.7H₂O - Khối lượng phân tử: 246,47 - pH: 5,0-8,2 (25°C, 5%) - Trạng thái: dạng bột, màu trắng		Trung Quốc	Chai/500 g	1
56	Mannitol Salt Agar	- Dùng để phân lập chọn lọc Staphylococci gây bệnh.- - Thành phần: (g/L) Proteose peptone: 10,0 HM peptone B: 1,0 Sodium chloride: 75,0 D-Mannitol: 10,0 Phenol red: 0,025 Agar: 15,0 pH cuối cùng (ở 25°C): 7,4±0,2 - Trạng	GM118-500G	Himedia	Chai/500g	2

		thái: môi trường dạng hạt đồng nhất màu vàng nhạt đến hồng				
57	Methyl red	- Công thức hoá học: C₁₅H₁₅O₂N₃ - Khối lượng phân tử: 269,30 - Nhiệt độ nóng chảy: 179 – 182°C - Trạng thái: dạng tinh thể màu tía hoặc nâu đỏ	Cas 493-52-7	Trung Quốc	Chai/25g	1
58	Methylene blue	- Công thức hoá học: C₁₆H₂₄ClN₃O₃S - Khối lượng phân tử: 373,90 - Độ tinh sạch: 98,5% - Trạng thái: dạng tinh thể màu xanh đậm	Cas 7220-79-3	Trung Quốc	Chai/25g	1
59	Mitomycin C	- Tên gọi khác: Mitomycin - Công thức hoá học: C₁₅H₁₈N₄O₅ - Khối lượng phân tử: 334,33 - Nguồn sinh học: Streptomyces caespitosus - Trạng thái: dạng bột, màu xám, tím/xanh lam - Độ hoà tan trong nước: 4 mL/lọ, dung dịch trong suốt đến hơi đục, màu xanh đến tím (dung dịch phải được lọc khử trùng và bảo quản ở 2-8 °C trong bóng tối.) - Phổ hoạt động kháng sinh: vi khuẩn gram âm và gram dương - Bảo quản: 2-8°C	M4287-2MG	Sigma	Lọ/2mG	1
60	Mueller Hinton Broth	- Được khuyến nghị để xác định tính nhạy cảm In vitro của các chủng vi khuẩn đối với các tác nhân kháng khuẩn bằng phương pháp pha loãng môi trường nuôi cấy- Thành phần: (g/L) HM infusion B: 2,0 Acicase™: 17,5 Starch: 1,5 pH cuối cùng (ở 25°C): 7,3±0,1- Trạng thái: dạng bột chảy tự do đồng nhất màu kem đến vàng	M391- 500G	Himedia	Chai/500g	2
61	Mueller Hinton Broth	- Được khuyến nghị để xác định tính nhạy cảm In vitro của các chủng vi khuẩn đối với các tác nhân kháng khuẩn bằng phương pháp pha loãng môi trường nuôi cấy - Thành phần: (g/L) HM infusion B: 2,0 Acicase™: 17,5 Starch: 1,5 pH cuối cùng (ở 25°C): 7,3±0,1	M391-100G	Himedia	Chai/100 g	1

		- Trạng thái: dạng bột chảy tự do đồng nhất màu kem đến vàng				
62	N,N'-Methylenebisacrylamide powder	- Tên gọi khác: BIS - Công thức hoá học: $(CH_2=CHCONH)_2CH_2$ - Khối lượng phân tử: 154,17 - Độ tinh sạch: $\geq 99,5\%$ - Trạng thái: dạng bột - Kỹ thuật phù hợp: điện di - Tạp chất: $\leq 0,05\%$ carboxylic acid tự do (T), ≤ 50 mg/kg Tổng lưu huỳnh (dưới dạng SO_4) (ICP) - Độ dẫn điện: ≤ 10 μ mho (dung dịch 2%) - Sự hấp thụ: $\leq 0,2$ ở 290 ở 1%	M7279-25G	Sigma	Chai/25g	1
63	n-butyl alcohol (n-Butanol)	- Công thức hoá học: C_4H_9OH - Khối lượng phân tử: 74,12 - Độ hòa tan trong nước: 73 g/Lít (ở 25°C) - Trạng thái: dạng lỏng, không màu		Trung Quốc	Chai/500ml	1
64	NTA- sepharose	- Nhựa ái lực tích điện niken có thể được sử dụng để tinh chế protein tái tổ hợp có chứa trình tự polyhistidine (6xHis). Protein liên kết với nhựa có thể được rửa giải bằng đệm pH thấp hoặc bằng cách cạnh tranh với imidazole hoặc histidine. Có thể thực hiện tinh chế một bước trong cả điều kiện tự nhiên và biến tính. Ni-NTA sử dụng phối tử chelating axit nitrilotriacetic (NTA) kết hợp với nhựa agarose 6% liên kết chéo phù hợp để sử dụng trong các ứng dụng dòng chảy theo mề và trọng lực.- Pha tĩnh: Ni-NTA- Loại cột: Affinity	GE17-5268-01 hoặc tương đương	Qiagen	Chai/ 25ml	1
65	Oxoid AnaeroGen	- Gói tạo khí kỵ khí - Không cần nước hoặc chất xúc tác - Không có khí hydro được sản xuất - Thể tích: 2,5 lít	AN0025A	Thermo scientific	Túi/10 gói	1
66	Petroleum Ether 30-60	- Công thức hoá học: C_5H_{12} - C_6H_{14} - Khối lượng phân tử: 86 - Độ tinh khiết: $>99\%$ - Trạng thái: dạng lỏng, không màu, mùi dầu khí		Trung Quốc	Chai/500ml	2
67	Potassium acetate	- Công thức hoá học: CH_3COOK - Khối lượng phân tử: 98,14		Trung Quốc	Chai/500 g	1

		- Độ tinh khiết: >92% - Trạng thái: dạng tinh thể hoặc bột tinh thể màu trắng				
68	Potassium permanganate	- Công thức hoá học: KMnO_4 - Khối lượng phân tử: 158,03 - Trạng thái: dạng tinh thể, màu tím/đồng/xám		Trung Quốc	Chai/500 g	1
69	Primer MecA147-F	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
70	Primer MecA147-R	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
71	Primer SCCmec ccr4-Fd	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides- Nồng độ tổng hợp: 100nmol- Cung cấp dưới dạng đông khô- Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
72	Primer SCCmec ccr4-R5	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
73	Primer SCCmec ccr4-R6	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
74	Primer SCCmec I-F	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
75	Primer SCCmec II-F	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
76	Primer SCCmec II-F2	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1

77	Primer SCCmec III-F	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
78	Primer SCCmec III-F5	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
79	Primer SCCmec III-R	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
80	Primer SCCmec III-R6	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides- Nồng độ tổng hợp: 100nmol- Cung cấp dưới dạng đông khô- Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
81	Primer SCCmec II-R	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
82	Primer SCCmec II-R2	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
83	Primer SCCmec I-R	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
84	Primer SCCmec IVa-F	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
85	Primer SCCmec IVa-R	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1

86	Primer SCCmec IVb-F	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
87	Primer SCCmec IVb-R	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
88	Primer SCCmec IVc-F2	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
89	Primer SCCmec IVc-R2	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides- Nồng độ tổng hợp: 100nmol- Cung cấp dưới dạng đông khô- Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
90	Primer SCCmec IVd-F5	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides- Nồng độ tổng hợp: 100nmol- Cung cấp dưới dạng đông khô- Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
91	Primer SCCmec IVd-R6	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
92	Primer SCCmec IVE-F3	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
93	Primer SCCmec IVE-R4	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
94	Primer SCCmec V-F	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD		IDT	ống/ 100 nM	1
95	Primer SCCmec V-R	- Độ dài: 11 - 59 nucleotides - Nồng độ tổng hợp: 100nmol		IDT	ống/ 100 nM	1

		- Cung cấp dưới dạng đông khô - Nồng độ đảm bảo sau tinh sạch: 10 OD				
96	Proteinase K, recombinant, PCR grade	- Protein K, tái tổ hợp, cấp độ PCR - Proteinase K là một protease nội phân phổ rộng được sử dụng rộng rãi để tiêu hóa protein trong chế phẩm nucleic acid. Nó phân hủy protein ngay cả khi có chất tẩy rửa. Proteinase K cắt liên kết peptide ở phía cacboxylic của amino acids aliphatic, thơm hoặc kỵ nước. Proteinase K được phân loại là một protease serine. Peptide nhỏ nhất bị thủy phân bởi enzyme này là tetrapeptide. - Nồng độ: 600 đến 1000 U/mL, 14 đến 22 mg/mL	EO0492	Thermo Scientific	5 x 1.0 mL /hộp (20mg/ml)	1
97	pRSET-EmGFP	- Vector biểu hiện vi khuẩn pRSET-EmGFP- Kháng kháng sinh của vi khuẩn: Ampicillin (AmpR)- Sự phân tách: Vị trí nhận dạng EK (Enterokinase)- Hệ thống cấu thành hoặc có thể cảm ứng: Có thể gây ra - Chất gây cảm ứng: IPTG- Gene báo cáo: GFP (EmGFP)- Tác nhân chọn lọc (sinh vật nhân thực): không có- Vector: pRSET- Promoter: T7- Thẻ Protein: His Tag (6x), Xpress Epitope Tag- Bảo quản trong tủ đông (-5 đến -30°C)	V35320	Invitrogen	Chai/10µg	1
98	Rappaport Vassiliadis Soya Broth	- Môi trường làm giàu chọn lọc cho các loài Salmonellae từ thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và mẫu bệnh phẩm lâm sàng. - Thành phần: (g/L) - Soya peptone: 4,5 - Sodium chloride: 8,0 - Potassium dihydrogen phosphate: 0,6 - Dipotassium hydrogen phosphate: 0,4 - Magnesium chloride hexahydrate: 29,0 - Malachite green: 0,036 - pH cuối cùng (ở 25°C): 5,2±0,2 - Trạng thái: dạng bột chảy đồng nhất, màu vàng nhạt đến xanh nhạt.		Himedia	chai/100g	1
99	RNase A	- RNase A không có hoạt tính DNase. Không cần làm nóng trước khi sử dụng - Nồng độ: 10mg/mL	EN0531	Thermo	Chai/10mg	2

		- Ứng dụng: Chuẩn bị plasmid và DNA bộ gen; loại bỏ RNA khỏi chế phẩm protein tái tổ hợp; xét nghiệm bảo vệ ribonuclease, được sử dụng kết hợp với RNase T1; Lập bản đồ đột biến một base trong DNA hoặc RNA				
100	Sodium dihydrogen phosphate dihydrate	- Công thức hoá học: $\text{NaH}_2\text{PO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ - Khối lượng phân tử: 156,01 - Độ pH: 4.5 (12 g/lít, H_2O , 25°C) - Trạng thái: dạng tinh thể không màu		Trung Quốc	Chai/500 g	1
101	Sodium hydroxide	- Công thức hoá học: NaOH - Khối lượng phân tử: 40 g/mol- Trạng thái: chất rắn, màu trắng- Khối lượng riêng: 2,13 g/cm ³ (20 °C)		Trung Quốc	Chai/500g	3
102	Soluble starch	- Công thức hoá học: $(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$ - Trạng thái: dạng bột màu trắng		Trung Quốc	Chai/500 g	1
103	Sulphuric acid	- Công thức hoá học: H_2SO_4 - Khối lượng phân tử: 98,079 - Tỷ trọng: 1,8302 g/cm ³ , chất lỏng - Trạng thái: dạng lỏng, trong suốt, không màu		Trung Quốc	Chai/500ml	4
104	TCBS agar	- Được khuyến nghị để phân lập và nuôi cấy chọn lọc <i>Vibrio cholerae</i> và các loại <i>Vibrio</i> gây bệnh đường ruột khác gây ngộ độc thực phẩm từ mẫu lâm sàng và mẫu thực phẩm. - Thành phần: (g/L) Proteose peptone: 10,0 Yeast extract: 5,0 Sodium thiosulphate: 10,0 Sodium citrate: 10,0 Bile: 8,0 Sucrose: 20,0 Sodium chloride: 10,0 Ferric citrate: 1,0 Bromo thymol blue: 0,04 Thymol blue: 0,04 Agar: 15,0 pH cuối cùng (ở 25°C): $8,6 \pm 0,2$ - Trạng thái: dạng bột chảy tự do đồng nhất màu vàng nhạt đến nâu nhạt	M189-500g	Himedia	Chai/500g	2

105	TCM199	- Tên gọi khác: Cell Culture Medium, M199 Medium, Medium 199 Solution, TCM 199 - Trạng thái: dạng bột - Phù hợp cho nuôi cấy tế bào - Thành phần: + Chứa: L-glutamine, phenol red, Earle's salts (5% CO₂) + Không chứa: NaHCO₃, sodium pyruvate, HEPES - Bảo quản: 2-8°C	M5017-1L	Sigma	Chai/1L	1
106	Thioglycollate medium	- Được khuyến nghị sử dụng để thử nghiệm tính vô trùng của các sản phẩm sinh học và để nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí, hiếu khí và vi hiếu khí từ các mẫu được phẩm và lâm sàng.- Thành phần: (g/L)Tryptone: 15,0Yeast extract: 5,0Dextrose (Glucose): 5,5Sodium chloride: 2,5L-Cystine: 0,5Sodium thioglycollate: 0,5Resazurin sodium: 0,001Agar: 0,75pH cuối cùng (ở 25°C): 7,1±0,2- Trạng thái: dạng bột chảy tự do đồng nhất màu kem đến vàng	M009-100G	Himedia	Chai/100g	1
107	Toluene	- Công thức hoá học: C₆H₅CH₃ - Khối lượng phân tử: 92,14 - Độ tinh khiết: 99,5% - Trạng thái: dạng lỏng, không màu, không tan trong nước		Trung Quốc	Chai/500ml	1
108	Tryptic Soy Broth (TSB)	- Được khuyến nghị sử dụng làm môi trường đa năng để nuôi cấy nhiều loại vi sinh vật khác nhau và để thử nghiệm tính vô trùng của nấm mốc và vi khuẩn bậc thấp. - Thành phần: (g/L) - Tryptone: 17,0 - Soya peptone: 3,0 - Sodium chloride: 5,0 - Dextrose (Glucose): 2,5 - Dipotassium hydrogen phosphate: 2,5 - pH cuối cùng (ở 25°C): 7,3±0,2 - Trạng thái: dạng bột chảy tự do đồng nhất màu kem đến vàng	M011-500G	Himedia	Chai/500 g	1
109	X-gal	- X-Gal, kết hợp với IPTG, được sử dụng để phát hiện hoạt động của β-galactosidase để phân biệt các thể tái tổ	V3941	Promega	Chai/100mg/2ml	1

		hợp với các thể không tái tổ hợp trong các thí nghiệm nhân bản sử dụng các vector chứa gen lac Z hoặc lac Z α -peptide. X-Gal được cung cấp ở nồng độ 50mg/ml trong dimethylformamide, 2,0ml/lọ.				
II	Vật tư tiêu hao					
1	Băng keo thị nhiệt	- Không chứa cao su tự nhiên - Độ dính tốt, đáng tin cậy - Mực không chứa Chì, không phải rác nguy hại - Băng co giãn , tránh bung băng trong quá trình tiết khuẩn - Có thể viết lên các nhãn đã in sẵn - Kích thước: 12mm x 55m	1322-12M	3M	Cuộn	1
2	Chổi rửa ống nghiệm, 20cm	- Chổi cước rửa ống nghiệm - Chiều dài: 20cm		Việt Nam	Cái	15
3	Chổi rửa ống nghiệm, 30cm	- Chổi cước rửa ống nghiệm - Chiều dài: 30cm		Việt Nam	Cái	15
4	Chổi rửa dài 40 cm	- Chổi cước rửa ống nghiệm - Chiều dài: 40cm		Việt Nam	cái	5
5	Cover slip (22×22mm)	- Kích thước: 22x22mm - Độ dày: 0,16 - 0,19 mm		Trung Quốc	Hộp/100 cái	32
6	Đầu lọc units (0.2um), sterile	- Đường kính bộ lọc: 25mm - Kích thước lỗ lọc: 0,2 μm - Diện tích lọc: 4,8 cm² - Màu giấy lọc/màng lọc: màu trắng (đục) - Tốc độ dòng chảy: $\geq$ 50 mL/phút đối với nước ở 1 bar (14,5 psi), $\geq$ 70 mL/phút đối với methanol ở 1 bar (14,5 psi) - Tổng thông lượng: lên đến 100 mL - Phạm vi pH: 3,0 - 14,0 - Vật liệu bộ lọc: Polypropylen (PP) - Vật liệu màng: Polyamit (PA/NY)		sartorius - Đức	Hộp/50 cái	1
7	Đầu tip 5mL	- Đầu tip 5mL - Chất liệu: Polypropylene - Màu sắc: tự nhiên - Có vạch chia thể tích trên thân - Chiều dài: 130mm		Biologix	Bịch/ 250 cái	2

8	Đầu tip cho Micropipette 1000 - 10000µL	- Phạm vi thể tích: 1000 - 10000µL - Màu sắc: tự nhiên - Có thể hấp khử trùng ở nhiệt độ 121°C, trong 20 phút - Không chứa RNase/DNase	00-BMT2-Z	NICHIRYO	Set/200 cái	1
9	Đầu tuýp trắng 10µl, không RNase & Dnase	- Đầu tip 10µl, có vạch chia thể tích- Chất liệu: PP- Màu sắc: màu trắng- Có thể hấp tiệt trùng- Không chứa RNase & DNase free, non-pyrogenic	20-0010 hoặc tương đương	Biologix	Gói/1000 cái	24
10	Đầu tuýp vàng 2-200µl, không RNase & Dnase	- Đầu tip 200µl, có vạch chia thể tích - Chất liệu: PP - Màu sắc: màu vàng - Có thể hấp tiệt trùng - Không chứa RNase & DNase free, non-pyrogenic	20-0200 hoặc tương đương	Biologix	Gói/1000 cái	35
11	Đầu tuýp xanh 5-1000µl, không RNase & Dnase	- Đầu tip 1000µl - Chất liệu: PP - Màu sắc: màu xanh - Có thể hấp tiệt trùng - Không chứa RNase & DNase free, non-pyrogenic	20-1000 hoặc tương đương	Biologix	Gói/1000 cái	21
12	Đĩa cân nhôm 100x 6mm	- Được sản xuất từ nhôm cao cấp, không dầu, bền và nhẹ. - Thiết kế độc đáo đảm bảo sử dụng tuyệt vời với cân xác định độ ẩm. - Thành có chiều cao 6 mm đảm bảo cân, trộn không bị tràn. - Dễ dàng xếp chồng lên nhau do dạng thân thon giúp giảm không gian lưu trữ. - Màu sắc: trắng - Đường kính: 100mm - Chiều cao: 6mm		Isolab - Trung Quốc	hộp/50 cái	3
13	Đĩa 96 giếng, đáy bằng, có nắp. Tiệt trùng	- Đĩa 96 giếng đáy phẳng - Kích thước đĩa: 85,40 x 127,60 x 14,40 mm - Kích thước giếng: 6,92 x 10,80 mm - Diện tích tăng trưởng: 0,33 cm² - Thể tích làm việc: 0,2ml - Đã được vô trùng và xử lý bề mặt		Biologix	Cái	24
14	Đĩa nhựa nuôi phôi 35mm, tiệt trùng	- Đĩa nhựa nuôi cấy - Kích thước đĩa: 35,00 x 10,00 mm - Kích thước bên trong: 35,00 x 9,60 mm	07-3035 hoặc tương đương	Biologix	túi/10 cái	56

		- Diện tích tăng trưởng: 9,40 cm² - Thể tích làm việc: 3,0 ml - Đã được vô trùng và xử lý bề mặt				
15	Đĩa petri nhựa tiết trùng đường kính 60mm	- Đĩa petri nhựa - Kích thước: 60x15mm - Màu sắc: tự nhiên, trong suốt - Chất liệu: nhựa y tế Polystyrene - Đĩa được vô trùng bằng tia gamma	PD0006	Việt Nam	Túi/20 cái	30
16	Đĩa petri nhựa tiết trùng đường kính 9 cm, dày 1.5 cm, có nắp	- Đĩa petri nhựa- Kích thước: 90x15mm- Màu sắc: tự nhiên, trong suốt- Chất liệu: nhựa y tế Polystyrene- Đĩa được vô trùng bằng tia gamma	9015	MIDA	Thùng /500 cái	4
17	Eppendorf 0.2ml (Tuýp PCR 0.2ml)	- Ống PCR 0,2ml, nắp phẳng, trong suốt - Thể tích: 0,2 mL - Chất liệu: Polypropylene - Có khoảng trống để ghi chú trên thân - Không chứa RNase/DNase/DNA của con người - Có thể hấp khử trùng bằng hơi nước	60-0082 hoặc tương đương	Biologix	Bịch/1000 cái	4
18	Eppendorf 0.2ml for Realtime PCR	- Ống PCR 0,2ml, nắp phẳng, trong suốt - Thể tích: 0,2 mL - Mỗi ống PCR đều có nắp chống bay hơi, dễ mở và đóng giúp tránh thất thoát mẫu - Được sản xuất từ nhựa polypropylene nguyên sinh chất lượng cao để đảm bảo độ tinh khiết và mang lại độ trong quang học tuyệt vời. - Được chứng nhận không chứa RNase, DNase, DNA và chất ức chế PCR		Biologix	Bịch/1000 cái	1
19	Eppendorf 0.5ml (Dnase/Rnase- free)	- Ống 0,6ml đáy tròn, có vạch chia thể tích trên thân - Lực ly tâm tối đa: 19.000 x G (nước 0,5 mL / 15 phút) - Mặt phẳng (có khoảng trống đánh dấu) - Có thể hấp tiết trùng - Không chứa DNA người, DNase free, RNase free		Biologix	Bịch/1000 cái	1
20	Eppendorf 1.5ml (Dnase/Rnase- free) (Tuýp ly tâm 1.5ml)	- Ống 1,5ml đáy tròn, có vạch chia thể tích trên thân - Lực ly tâm tối đa: 20.000 x G (nước 1,0 mL / 15 phút) - Mặt phẳng (có khoảng trống đánh dấu) - Có thể hấp tiết trùng - Không chứa DNA người, DNase free, RNase free		Biologix	Bịch/500 cái	20

21	Eppendorf 2ml (Dnase/Rnase-free)(Tuýp ly tâm 2ml)	- Nắp chống sôi dễ mở và đóng, với bề mặt ghi nhãn lớn.- Polyme trong suốt tạo điều kiện quan sát mẫu.- Tới 20.000xG.- Chia độ ở mỗi 100 µL để ước lượng thể tích dễ dàng.- Phạm vi nhiệt độ: -80°C đến +121°C.- Để sử dụng trong ngành công nghiệp dược phẩm, công nghiệp thực phẩm và sinh học phân tử.- Được sản xuất từ nhựa polypropylene (PP) nguyên chất, chất lượng cao để đảm bảo độ tinh khiết và mang lại độ rõ nét quang học tuyệt vời.- Được chứng nhận không có chất ức chế RNase, DNase, DNA, PCR có thể phát hiện được và không chứa chất gây sốt đã được thử nghiệm.		Biologix	Bịch/500 cái	2
22	Ống mao quản chấm sắc ký	- Được làm bằng thủy tinh chất lượng cao - Chiều dài: khoảng 75 mm ± 0,5 mm - Độ dày thành: khoảng 0,2 ± 0,025 mm - Đường kính trong: 1,1 -1,2 mm - Đường kính ngoài: 1,5 -1,6 mm - Dung tích: 75 µl	2901000	Marientfeld	hộp/100 ống	4
23	Ống mao quản đo độ nóng chảy	- Được làm bằng thủy tinh vôi soda - Chiều dài: 80mm ± 1 mm - Đường kính ngoài: 1,00 ± 0,05 mm - Đường kính trong: 0,80 ± 0,05 mm	29 40205	Marientfeld	Hộp/100 ống	3
24	Ống ly tâm nhựa 15ml (Ống Falcon 15ml)	- Ống ly tâm 15ml đáy hình nón, nắp phẳng - Chất liệu: PP - Thể tích: 15ml - Có vạch chia thể tích trên thân, có khoảng trống - Chịu được lực ly tâm lên đến 8400 G - Tiệt trùng bằng bức xạ gamma, non-pyrogenic, không chứa RNase & Dnase	10-9815 hoặc tương đương	Biologix	Bịch/25	36
25	Ống ly tâm nhựa 50ml (Falcon 50ml)	- Ống ly tâm 50ml đáy hình nón, nắp phẳng- Chất liệu: PP- Thể tích: 50ml- Có vạch chia thể tích trên thân, có khoảng trống - Chịu được lực ly tâm lên đến 9400 G- Tiệt trùng bằng bức xạ gamma, non-pyrogenic, không chứa RNase & Dnase	10-9850 hoặc tương đương	Biologix	Bịch/ 25 cái	60
26	Găng tay cao su không bột, size L	- Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao - Không bột, size L - Tiêu chuẩn chất lượng: phù hợp với các tiêu chuẩn		V-Glove	Hộp/50 đôi	87

		ASTM D3578 và EN455. - Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014.				
27	Găng tay cao su không bột, size M	- Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao - Không bột, size M - Tiêu chuẩn chất lượng: phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D3578 và EN455. - Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014.		V-Glove	Hộp/50 đôi	293
28	Găng tay cao su không bột, size S	- Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao - Không bột, size S - Tiêu chuẩn chất lượng: phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D3578 và EN455. - Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014.		V-Glove	Hộp/50 đôi	187
29	Găng tay Nitrile không bột, size L	- Chất liệu: cao su nitrile nhân tạo - Không bột, size L - Tiêu chuẩn chất lượng: phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D3578 và EN455. - Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014.		V-Glove	Hộp/50 đôi	3
30	Găng tay Nitrile không bột, size M	- Chất liệu: cao su nitrile nhân tạo- Không bột, size M- Tiêu chuẩn chất lượng: phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D3578 và EN455. - Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014.		V-Glove	Hộp/50 đôi	52
31	Găng tay Nitrile không bột, size S	- Chất liệu: cao su nitrile nhân tạo - Không bột, size S - Tiêu chuẩn chất lượng: phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D3578 và EN455. - Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO		V-Glove	Hộp/50 đôi	9

		13485:2016; ISO 22000:2018; ISO 9001:2015; SA 8000:2014.				
32	Chai thủy tinh 2ml trắng (Chai thủy tinh 2ml trắng + Nắp vặn xanh đậm Silicone/PTFE)	- Bao gồm: chai thủy tinh và nắp vặn - Chất liệu: thủy tinh (chai), silicon/PTFE (nắp) - Dung tích: 2ml	C0000752 + C0000148	ALWSCI	Hộp	1
33	Giấy cân	- Bề mặt cứng mịn, không hấp thụ. - Tuyệt vời cho các mẫu dạng bột. - Dễ dàng gấp và tạo nếp. - Hộp đựng khay để sử dụng và cất giữ. - Kích thước: 120×120mm.		Đài Loan	Hộp	1
34	Giấy lau kính hiển vi #105, 10x15cm	- Độ dày: 0.035 – 0.04mm - Kích thước: 10x15cm - Kết cấu mềm không có sợi - Khi sử dụng lau kính hoặc bề mặt quang học không để lại xơ - Được làm từ hóa học tinh khiết, không chứa silicone và các chất phụ gia khác - Độ thấm cao dẫn đến độ an toàn khi loại bỏ độ ẩm bề mặt và dầu mỡ	2105-841-25	Whatman	Hộp/25 tờ	13
35	Giấy lọc định tính (d=110mm)	- Kích thước lỗ lọc: 15-20µm - Thời gian lọc: 35~70s - Đường kính: 110mm - Hình tròn để sử dụng		Trung Quốc	Hộp/100 cái	13
36	Giấy nhôm (45.7 cm x 7.62 cm)	- Giấy nhôm dạng cuộn - Kích thước: 45 cm x 7,6 m		Diamond	Cuộn	74
37	Giấy Parafilm PM66	- Giấy parafilm- Kích thước: 10x3800cm- Được dùng để phủ hoặc đậy các loại ống nghiệm, cốc đót, chai vial, đĩa petri, bình cầu, bình tam giác và các loại dụng cụ có bề mặt khác nhau.	PM996	Mỹ	Hộp	5
38	Giấy quỳ tím (Giấy đo pH 1-14, 7mmx5m)	- Giấy quỳ tím, giấy đo pH - Phạm vi pH: 1-14		Trung Quốc	Hộp	1
39	Glass Pasteur pipette 230mm	- Piptette pasteur - Chất liệu: thủy tinh - Chiều dài: 230mm		Marienfeld	Hộp/ 250 cái	7

40	Khẩu trang y tế	- Thiết kế quai đeo bằng vải thun mềm mại, thoải mái - Khẩu trang 3 lớp: Lớp ngoài chống thấm ngăn giọt nước khi hắt hơi, giao tiếp; lớp giữa lọc khuẩn và bụi bẩn hiệu quả; lớp trong cùng mềm mại, an toàn với làn da. - Kích thước vừa vặn, ôm khít khuôn mặt, che kín mũi miệng cằm.		Việt Nam	Hộp/50 cái	19
41	Khẩu trang than hoạt tính	- Có 4 lớp: 1 lớp vải carbon hoạt tính, 2 lớp vải không dệt và 1 lớp lọc - Giúp ngăn chặn tốt hơn các hạt vi mô (phấn hoa, bụi và vi rút) - Dây đeo thun có chức năng đàn hồi tốt, không gây kích ứng da. - Nẹp mũi được thiết kế để khẩu trang vừa vặn, phù hợp với khuôn mặt.		Việt Nam	50 cái/hộp	5
42	Lam kính mài mờ	- Lam kính thủy tinh được làm bằng thủy tinh chất lượng, có độ trong suốt cao - Kích thước: 25,4 x 76,2 mm - Mài mờ 1 đầu		Greetmed-Trung Quốc	Hộp/72 cái	36
43	Lưỡi dao phẫu thuật số 11	- Lưỡi dao phẫu thuật số 11 - Chất liệu: thép hợp kim mạ niken với độ dày đạt tiêu chuẩn bám chắc vào thân giúp chống ăn mòn, gỉ sét.		Doctor	Hộp/ 100 cái	2
44	Lưỡi dao phẫu thuật số 21	- Lưỡi dao phẫu thuật số 21 - Chất liệu: thép hợp kim mạ niken với độ dày đạt tiêu chuẩn bám chắc vào thân giúp chống ăn mòn, gỉ sét.		Doctor	Hộp/ 100 cái	2
45	Mặt nạ phòng độc 3M 6200	- Mặt nạ nửa mặt bảo vệ hô hấp - Mặt nạ kết hợp với các loại phin lọc khác nhau để bảo vệ hô hấp cho người lao động khỏi các hóa chất có chứa hơi vô cơ, hữu cơ, acid	6200	3M	Cái	1
46	Màng lọc Cellulose Acetate Filter (0.22um)	- Đường kính bộ lọc: 47mm - Kích thước lỗ lọc: 0,2 µm - Khả năng thấm ướt: ưa nước - Vô trùng, đóng gói từng cái		Sartorius - Đức	Hộp/100 cái	1
47	Đầu lọc tiệt trùng Nylon017S022I	- Được khử trùng bằng tia Gama - Đường kính 13 mm - Thể tích ≤10 mL - Kích thước lỗ 0.2 µm		Finetech - Đài Loan	Gói/100 cái	1

48	Mũ trùm đầu PTN	- Mũ trùm đầu y tế được sử dụng rộng rãi trong y tế, chế biến thực phẩm, phòng thí nghiệm, phòng sạch,... để ngăn ngừa hiện tượng lây nhiễm chéo vi khuẩn, virus, chống rơi rụng tóc và bụi bẩn. - Chất liệu: nilon		Việt Nam	Bịch	5
49	Núm cao su (pasteur pipette)	- Được sản xuất từ cao su thiên nhiên chuyên dụng để sử dụng với pipet thủy tinh.	084.03.001	Isolab	Cái	40
50	Hộp lọc hữu cơ (Phin lọc 3M 6005)	- Phin lọc hơi Formandehit/hơi hữu cơ - Sử dụng với Mặt nạ tái sử dụng 3M™ nửa khuôn mặt và nguyên mặt 6000, 6500, 7500, 7800S hoặc FF-400 Series được NIOSH phê duyệt; hoặc Mặt nạ 3M™ Scott™ AV-3000 SureSeal hoặc AV-3000 HT	6005	3M	Hộp	1
51	Phin lọc 3M 6007 (Phin lọc hơi thủy ngân, hơi hữu cơ, hơi axit 3M™ 6007)	- Phin lọc hơi thủy ngân, hơi hữu cơ, hơi acid - Sử dụng với Mặt nạ tái sử dụng 3M™ nửa khuôn mặt và nguyên mặt 6000, 6500, 7500, 7800S hoặc FF-400 Series được NIOSH phê duyệt; hoặc Mặt nạ 3M™ Scott™ AV-3000 SureSeal hoặc AV-3000 HT	6007	3M	Hộp	1
52	Ống đựng máu có EDTA-K3	- Dùng để lấy máu toàn phần trong xét nghiệm Huyết Học, định nhóm máu, sàng lọc kháng thể. Xét nghiệm dấu ấn virus trong sàng lọc lâm sàng và trong xét nghiệm sinh học phân tử.		Việt Nam	Cái	100
53	Ống Durham	- Chất liệu: thủy tinh - Sử dụng phổ biến trong phòng thí nghiệm vi sinh, ứng dụng trong Kiểm nghiệm Coliforms, các thử nghiệm sinh vật hoá học như lên men đường, test sinh hóa dùng trong định danh vi khuẩn, lên men sinh hơi trong Glucose broth.		Việt Nam	Cái	110
54	Pasteur pipette nhựa, không tiết trùng (Ống hút pasteur 3ml)	- Pipette nhựa 3ml, không tiết trùng - Chất liệu: Polyethylene - Không chứa DNase & RNase - Chiều dài: 162,0 mm	30-0138 hoặc tương đương	Biologix	Hộp/500 cái	2
55	Que cấy nhựa 10µl, tiết trùng, cam	- Que cấy nhựa 10µl - Chất liệu: polystyrene y tế - Màu sắc: màu cam - Đã được tiết trùng bằng bức xạ gamma, non-pyrogenic		Biologix	Bịch/25 cây	20

56	Que cấy nhựa 1µl, tiết trùng, xanh	- Que cấy nhựa 1µl - Chất liệu: polystyrene y tế - Màu sắc: màu xanh - Đã được tiết trùng bằng bức xạ gamma, non-pyrogenic		Biologix	Bịch/25 cây	18
57	Que cấy nhựa đầu thẳng	- Que cấy nhựa đầu thẳng - Chất liệu: polystyrene y tế - Màu sắc: màu vàng - Đã được tiết trùng bằng bức xạ gamma, non-pyrogenic		Biologix	Bịch/25 cây	8
58	Minisart™ NY Syringe Filters: Nonsterile 0.45 µm	- Đường kính bộ lọc: 25mm - Khu vực lọc: 4,8 cm² - Phạm vi pH: 3,0 – 14,0 - Kích thước lỗ lọc: 0,45 µm - Vật liệu bộ lọc: Polypropylen (PP) - Vật liệu màng: Polyamit (PA/NY)	Sartorius 17846----- ----Q	Sartorius - Đức	Hộp/500 cái	1
59	Tấm bông tiết trùng (que nhựa dài)	- Tấm bông tiết trùng đầu nhỏ- Chiều dài: 15 cm		Việt Nam	Gói/100 que	4
60	Xi lanh có kim 1 ml	- Bơm kim tiêm sử dụng một lần - Thể tích: 1ml - Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.		Việt Nam	Hộp	2
61	Xi lanh có kim 5 mL (Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml/cc)	- Bơm kim tiêm sử dụng một lần - Thể tích: 5ml - Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.		Việt Nam	Hộp/100 cái	2
62	Xi lanh có kim 10 mL (Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml/cc)	- Bơm kim tiêm sử dụng một lần - Thể tích: 10ml - Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.		Việt Nam	Hộp/100 cái	4

63	Xi lanh có kim 50 mL (Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml/cc)	- Bơm kim tiêm sử dụng một lần - Thể tích: 50ml - Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.		Vinahankook	Hộp/25 cái	12
III	Dụng cụ					
1	Thanh nhôm trữ lạnh 5 vị trí cho ống bảo quản đông lạnh tế bào 2ml. (2CC Double-head canes/1000 with shelf (5)	- Chất liệu: kim loại (nhôm) - 5 vị trí - Phù hợp cho ống trữ lạnh 1,5-2,0ml	1-E D/H	Brooklyn Tool Inc - Mỹ	Túi/100 cây	2
2	Bếp hồng ngoại đơn	- Bếp hồng ngoại công suất 2200W, bảng điều khiển cảm ứng nhạy bén dễ dùng. - Mặt bếp bằng kính Ceramic có khả năng chịu nhiệt tốt, dễ lau chùi. - 2 vòng nhiệt, có hẹn giờ nấu, khóa an toàn.		Thái Lan	Cái	3
3	Bình định mức 25 mL	- Bình định mức 25mL - Thể tích: 25ml - Cổ: 10/19 - Dung sai: $\pm 0,04$ml - Thủy tinh Flask Class A USP trong suốt - Có 1 vạch chia độ		Duran - Đức	Cái	15
4	Bình đun siêu tốc Toshiba 1.7	- Công suất 1850 - 2200 W, đun sôi nhanh chóng chỉ từ 3 - 4 phút. - Dung tích 1.7 lít cung cấp đủ nước dùng cho 3 - 4 người. - Chất liệu vỏ và ruột bình bằng Inox SUS304 cao cấp không gỉ		Toshiba	Cái	2
5	Bình tam giác cổ hẹp thành dày 250mL	- Bình tam giác cổ hẹp 250ml - Thể tích: 250ml - Đường kính: 85mm, 34mm - Chiều cao: 145mm		Duran - Đức	Cái	30

		- Cổ hẹp có chia độ - Có vành dày gia cố để giảm sút mẻ và vỡ				
6	Bình tam giác miệng hẹp 100mL	- Bình tam giác cổ hẹp 100ml- Thể tích: 100ml- Đường kính: 64mm, 22mm- Chiều cao: 105mm- Cổ hẹp có chia độ- Có vành dày gia cố để giảm sút mẻ và vỡ	212162403 hoặc tương đương	Duran (Schott)	Cái	10
7	Bình tia nhựa miệng rộng LDPE 500ml AZLON	- Chất liệu: nhựa LDPE - Dung tích: 500ml - Van bình tia kín, không thoát khí, giúp tia được ổn định, không rỉ nước trong quá trình sử dụng.		Anh	Cái	49
8	Bình xịt cồn 500ml dạng phun sương	- Bình xịt dạng phun sương - Dung tích: 500ml		Aptaca-Ý	cái	6
9	Bộ giữ lọc 25mm	- Chất liệu: Polypropylene (PP), có khả năng kháng khuẩn cao, sử dụng nhiều lần - Diện tích lọc: 1.3 cm² - Áp lực tối đa: 2bar - Kết cấu: Inlet & Outlet=Luer slip - Hấp vô trùng: 20' tại 121 độ - Kích thước: 13mm		Finetech	Gói/20 cái	1
10	Bộ lọc thuỷ tinh GFS-300-1000A	- Dung tích phễu hứng : 300ml - Đường kính màng lọc: 47mm - Dung tích bình chứa: 1000ml - Đường kính cổ bình chứa: 47mm - Bộ lọc đặc trưng nguyên bộ có tính chất tương đương với bộ lọc nguyên bản - Đa dạng các kích thước để thay thế		Finetech	Bộ	1
11	Bộ Micropipette (gồm các thể tích: 1-10ul; 10-100ul; 100-1000ul)	- Bộ dụng cụ micropipette có thể tháo rời để hấp tiệt trùng bao gồm các phạm vi thể tích thể tích: + 1-10µL + 10-100µL + 100-1000µL		DLAB	Bộ	5
12	Ca đựng nhựa có quai 1L	- Chất liệu: nhựa PP - Thể tích: 1L - Có vạch chia thể tích trên thân		Isolab - Đức	Cái	6
13	Ca đựng nhựa có quai 2L	- Chất liệu: Nhựa PP - Dung tích: 2000ml - Độ chia thể tích: 50ml		Isolab - Đức	Cái	2

		- Chiều cao: 165mm - Đường kính: 145mm				
14	Cá từ 1.5cm	- Cá từ hay thanh khuấy từ có cấu trúc là một nam châm, được bọc bằng vật liệu nhựa kháng hóa chất, chịu nhiệt là nhựa PTFE. - Kích thước: 1,5 cm		Trung Quốc	Cái	4
15	Cá từ 2cm	- Cá từ hay thanh khuấy từ có cấu trúc là một nam châm, được bọc bằng vật liệu nhựa kháng hóa chất, chịu nhiệt là nhựa PTFE. - Kích thước: 2 cm		Trung Quốc	Cái	24
16	Cán dao số 7	- Cán dao mổ số 7 - Chất liệu: thép không gỉ		Pakistan	cái	5
17	Cán que cấy vi sinh (Cán que cấy+ que cấy tròn)	- Chất liệu: kim loại - Bao gồm: cán que cấy và que cấy đầu tròn		Việt Nam	cái	16
18	Chai nâu nhỏ giọt, có quả bóp nút vặn 50ml	- Bao gồm: chai thủy tinh, ống nhỏ giọt có quả bóp - Dung tích: 50ml		Trung Quốc	Cái	30
19	Chai trung tính 100 ml	- Chai trung tính thủy tinh nắp vặn 100ml - Thể tích: 100ml - Đường kính: 56mm - Chiều cao: 100mm - Vòng rót PE được thiết kế đặc biệt cho các hoạt động không nhỏ giọt - Nắp vặn PE và vòng rót có thể khử trùng bằng hơi nước - Có thể hấp tiệt trùng, có độ bền cơ học cao và khả năng chống hoá chất - Có vạch chia thể tích và vùng đánh dấu		Duran	cái	5
20	Chai trung tính nắp vặn xanh 250ml	- Chai trung tính thủy tinh nắp vặn 250ml - Thể tích: 250ml - Đường kính: 70mm - Chiều cao: 138mm - Vòng rót PE được thiết kế đặc biệt cho các hoạt động không nhỏ giọt - Nắp vặn PE và vòng rót có thể khử trùng bằng hơi nước - Có thể hấp tiệt trùng, có độ bền cơ học cao và khả năng		Duran	cái	20

		chống hoá chất - Có vạch chia thể tích và vùng đánh dấu				
21	Chai trung tính nắp vặn xanh 500ml	- Chai trung tính thuỷ tinh nắp vặn 500ml - Thể tích: 500ml - Đường kính: 86mm - Chiều cao: 176mm - Vòng rót PE được thiết kế đặc biệt cho các hoạt động không nhỏ giọt - Nắp vặn PE và vòng rót có thể khử trùng bằng hơi nước - Có thể hấp tiệt trùng, có độ bền cơ học cao và khả năng chống hoá chất - Có vạch chia thể tích và vùng đánh dấu		Duran	cái	10
22	Chai trung tính trong 1000ml	- Chai trung tính thuỷ tinh nắp vặn 1000ml - Thể tích: 1000ml - Đường kính: 101mm - Chiều cao: 225mm - Vòng rót PE được thiết kế đặc biệt cho các hoạt động không nhỏ giọt - Nắp vặn PE và vòng rót có thể khử trùng bằng hơi nước - Có thể hấp tiệt trùng, có độ bền cơ học cao và khả năng chống hoá chất - Có vạch chia thể tích và vùng đánh dấu		Duran	cái	7
23	Chai trung tính, 2000ml	- Chai trung tính thuỷ tinh nắp vặn 2000ml- Thể tích: 2000ml- Đường kính: 136mm- Chiều cao: 260mm- Vòng rót PE được thiết kế đặc biệt cho các hoạt động không nhỏ giọt- Nắp vặn PE và vòng rót có thể khử trùng bằng hơi nước- Có thể hấp tiệt trùng, có độ bền cơ học cao và khả năng chống hoá chất- Có vạch chia thể tích và vùng đánh dấu		Duran - Đức	Cái	5
24	Chân đế giá đỡ Buret	- Bao gồm chân đế và cốc - Chất liệu: inox		Việt Nam	Cái	5
25	Chén cân 60x30mm	- Chất liệu: thuỷ tinh - Kích thước: 60x30mm	CHI59711	Trung Quốc	Cái	10
26	Cốc thuỷ tinh thấp thành 100ml	- Cốc thuỷ tinh thấp thành 100ml - Thể tích: 100ml - Đường kính: 50mm		Duran	cái	40

		- Chiều cao: 70mm - Thiết kế vòi rót cho phép rót chính xác và sạch - Trường nhãn lớn để dễ dàng đánh dấu - Độ dày thành đồng đều & lý tưởng để đun nóng chất lỏng - Vạch chia thể tích rõ nét - Khả năng chống chịu hoá chất cao				
27	Cốc thủy tinh thấp thành 250ml	- Cốc thủy tinh thấp thành 250ml - Thể tích: 250ml - Đường kính: 70mm - Chiều cao: 95mm - Thiết kế vòi rót cho phép rót chính xác và sạch - Trường nhãn lớn để dễ dàng đánh dấu - Độ dày thành đồng đều & lý tưởng để đun nóng chất lỏng - Vạch chia thể tích rõ nét - Khả năng chống chịu hoá chất cao		Duran	cái	30
28	Cốc đốt thấp thành 600ml	- Cốc thủy tinh 600ml - Thể tích: 600ml - Đường kính: 90mm - Chiều cao: 125mm - Thiết kế vòi rót cho phép rót chính xác và sạch - Trường nhãn lớn để dễ dàng đánh dấu - Độ dày thành đồng đều & lý tưởng để đun nóng chất lỏng - Vạch chia thể tích rõ nét - Khả năng chống chịu hoá chất cao		Duran	Cái	5
29	Cốc thủy tinh phân tích xơ (P2)	- Chất liệu: thủy tinh - Kích thước cốc: 40-100 micron - Phạm vi nhiệt độ: không quá 550 °C	A00000140	Velp - Ý	Bộ/ 6 cái	1
30	Đầu khò gas	- Đầu khò thiết kế nhỏ gọn, đa dụng - An toàn, độ bền cao		Việt Nam	Cái	3
31	Đèn cồn thủy tinh 150mL	- Chất liệu: thủy tinh borosilicate chất lượng trong suốt - Dung tích: 150ml - Nắp nhựa		Trung Quốc	Cái	27

32	Đĩa cân nhựa 30ml (56x85x14.5mm)	- Chất liệu: HIPS với bề mặt kỵ nước, không gây ô nhiễm - Có khả năng chống tĩnh điện - Kích thước: 30ml (56x85x14,5mm)		Ý	cái	10
33	Đĩa cân nhựa 5ml (31x55x5.3mm)	- Chất liệu: HIPS với bề mặt kỵ nước, không gây ô nhiễm - Có khả năng chống tĩnh điện - Kích thước: 5ml (31x55x5,3mm)		Ý	cái	10
34	Đũa thủy tinh, 6mm x 30cm	- Chất liệu: thủy tinh - Kích thước: 6 x 300mm	1026558 hoặc tương đương	Đức	Cái	30
35	Dispenser 10ml (Ổng định lượng Dispenser genius 1.0-10 ml/0.2ml)	- Phạm vi thể tích: 1,0 – 10,0 ml - Độ chia thể tích: 0,2 ml		Vitlab	cái	1
36	Dụng cụ đo nhiệt độ hồng ngoại	- Cho phép đo nhiệt độ không tiếp xúc ở những nơi không thể tiếp cận và bề mặt nhạy cảm.- Thích hợp để đo trong các khu vực nguy hiểm, chẳng hạn như các bộ phận máy di chuyển hoặc hệ thống điện.- Khoảng đo: từ -40° ~ +400°C.- Hệ số phát xạ: 0.95 (cố định).- Khoảng cách đo: 12:1.- Nguồn: Pin 9V.	082.440A	LaserLiner	Cái	1
37	Muỗng lấy mẫu hóa chất thí nghiệm 15cm (Micro) -1 đầu dẹt và 1 đầu tròn	- Chất liệu: inox - 1 đầu dẹt và 1 đầu tròn - Chiều dài: 15 cm		Đức	Cái	3
38	Muỗng lấy mẫu hóa chất thí nghiệm 18cm (Micro) 1 đầu dẹt và 1 đầu tròn	- Chất liệu: inox - 1 đầu dẹt và 1 đầu tròn - Chiều dài: 18 cm		Đức	Cái	3
39	Dụng cụ tiệt trùng que cấy hồng ngoại	- Khử trùng tức thì các vòng cấy platin, que cấy thẳng, miệng ống thủy tinh / pipet và các dụng cụ thủy tinh bằng kim loại và borosilicat khác nhau được sử dụng trong phòng thí nghiệm. - Nhiệt độ cao: 815 ° C - Nhiệt độ thấp: 500 ° C - Thời gian khử trùng: 5-7 giây - Đường kính buồng: 14mm	FHM-3000C hoặc tương đương	Đài Loan	Cái	3

		- Chiều dài buồng: 157mm - Kích thước bên ngoài. (cm): 10,2 x 15,2 x 16,5				
40	Máy xay sinh tố đa năng	- Máy xay đa năng - Công suất: 1200W - Dung tích: Cối lớn 1,5 lít		Philips	Cái	4
41	Giá để bình cầu (để bình cầu bằng nhựa)	- Giá để bình cầu (để bình cầu bằng nhựa) - Kích thước: 160mm - Dùng cho bình cầu dưới 100ml (90mm)	CHI65307	Trung Quốc	Cái	2
42	Giá để Eppendorf 1,5ml	- Giá đỡ ống 1,5ml - 80 vị trí - Chất liệu: PP - Có thể khử trùng bằng hơi nước	90-8009 hoặc tương đương	Biologix	Cái	7
43	Giá để falcon 15ml và 50ml bằng nhựa	Giá để ống ly tâm 50ml Làm bằng polypropylene y tế chất lượng cao Giá đỡ được 25 ống ly tâm 50ml. Thiết kế chắc chắn giữ ống thẳng đứng		Trung Quốc	Cái	5
44	Giá để falcon 50ml inox 21 lỗ (Giá để ống nghiệm phi 32 -30 lỗ inox- đựng được ống ly tâm 50ml)	Giá để ống ly tâm 50ml Làm inox chất lượng cao. (Giá để ống nghiệm phi 32 -30 lỗ inox- đựng được ống ly tâm 50ml)		Trung Quốc	Cái	14
45	Giá để micropipette, dạng xoay tròn	- Giá để micropipet dạng xoay tròn- Có thể chứa đồng thời 6 Micropipette đơn kênh hay đa kênh, tùy theo mục đích sử dụng- Chất liệu: nhựa	7030000084 hoặc tương đương	Dlab	Cái	1
46	Giá để ống ly tâm 50ml	- Giá đỡ ống ly tâm 50ml - Chất liệu: nhựa PP - 25 vị trí		Việt Nam	Cái	5
47	Giá đỡ micropipette	- Giá đỡ micropipette - Khả năng lưu trữ: micropipette đơn kênh 6 cái, micropipette đa kênh 3 cái	00-MLT-STD2	Nichiryo – Nhật	Cái	3
48	Giá đỡ silicone dành cho hộp giữ lạnh (Silicone Base)	- Giá đỡ hộp trữ lạnh - Chất liệu: Silicone - Sử dụng với giá giữ lạnh PCR Metal Coolbox để đảm bảo khả năng làm mát liên tục lâu hơn, bảo vệ hiệu quả xung quanh và đáy Metal Coolbox, chống trơn trượt và tăng tính ổn định.	BC034	Biosharp	Cái	1

49	Giá giữ lạnh bằng hợp kim, 52 giếng, PCR 0,2ml và 1,5ml, BS-MCB-B	- Thích hợp cho 40 ống PCR 0.2ml và 12 ống ly tâm 1.5-2ml - Chất liệu hợp kim nhôm - Điều kiện bảo quản ban đầu: -20°C trong 4-6h - Làm mát trong hơn 1-2 giờ ở nhiệt độ 2 đến 8°C		Biosharp	Cái	1
50	Giá giữ lạnh ống eppendorf 1.5ml Iceon Type1	- Giá giữ lạnh đổi màu - Thay đổi màu sắc: từ xanh lá cây sang vàng khi nhiệt độ tăng lên 7°C - Độ dài nhiệt độ: Ước tính 3 giờ 30 phút ở 4°C - Kích thước : 146 × 105 × 70 mm - Dung tích ống: 24 ống kiểu nắp vận hoặc nắp chụp 0,5, 1,5, 2,0 mL - Chất liệu: Polypropylene bền chắc và Gel trơn - Có nắp đậy	5630-T6 hoặc tương đương	Cosmo Bio Usa Inc SKBIO1	Cái	2
51	Giá giữ lạnh ống PCR 0.2 ml Iceon Type2	- Giá giữ lạnh đổi màu cho tube PCR- Thay đổi màu sắc: từ xanh lá cây sang vàng khi nhiệt độ tăng lên 7°C- Độ dài nhiệt độ: Ước tính 3 giờ ở 4°C- Kích thước: 141 × 99 × 44 mm- Sức chứa ống và đĩa PCR: 96 ống 0,1 và 0,2 mL và ống dài; đĩa lên đến 96 giếng.- Chất liệu: Polypropylene bền chắc và Gel trơn- Có nắp đậy	5640-T6 hoặc tương đương	Cosmo Bio Usa Inc SKB-IO-2	Cái	2
52	Giá ống nghiệm inox 30 ô (ống Ø31 ống ly tâm 50mL)	- Chất liệu: inox - 30 ô - Phù hợp cho ống ly tâm 50ml		Việt Nam	Cái	3
53	Khay đựng ống nghiệm bằng nhựa- 5650-T6	- Giá đỡ PCR SBS đổi màu - Thay đổi màu sắc: từ xanh lá cây sang vàng khi nhiệt độ tăng lên 7°C - Độ dài nhiệt độ: Ước tính 2,5 giờ ở 4°C - Sức chứa ống và đĩa PCR: 96 ống 0,1 và 0,2 mL và ống dài; đĩa lên đến 96 giếng. - Kích thước: Dấu chân SBS để sử dụng với thiết bị xử lý chất lỏng. - Vật liệu: Polypropylene bền chắc và Gel trơn - Không bao gồm nắp		Mỹ	Cái	1
54	Hộp đựng tuýp âm sâu 1,5ml-2ml	- Hộp đựng ống trữ lạnh - Chất liệu: polycarbonate, có khả năng chống hoá chất với cồn và dung môi hữu cơ nhẹ		Biologix	cái	20

	(Hộp trữ lạnh 25 vị trí, nhựa Polycarbonate)	- 25 vị trí - Kích thước: 75 x 75 x 53 mm - Tương thích với ống 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và lọ đông lạnh - Nhiệt độ làm việc: -196°C đến 121°C				
55	Hộp trữ lạnh (Hộp trữ lạnh 100 vị trí, có thể đựng vial 1,5ml)	- Hộp đựng ống trữ lạnh - Chất liệu: polypropylene, có khả năng chống hoá chất với cồn và dung môi hữu cơ nhẹ - 100 vị trí - Kích thước: 141 x 154 x 55 mm - Tương thích với ống 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và lọ đông lạnh - Nhiệt độ làm việc: -86°C đến 121°C		Biologix	cái	2
56	Hộp bảo quản ống eppendorf 1.5-2ml, 81 vị trí, nhựa	- Hộp bảo quản lạnh - 81 vị trí - Chất liệu: PP - Phạm vi nhiệt độ: -70 ~ +140 °C - Có thể hấp tiệt trùng	90-9081 hoặc tương đương	Biologix	Hộp	10
57	Hộp đựng đầu tip 10µL, hấp tiệt trùng	- Hộp đựng đầu tip 10µL - 96 vị trí - Chất liệu: Polypropylene - Có thể hấp tiệt trùng	23-0010 hoặc tương đương	Biologix	Hộp	11
58	Hộp đựng đầu tip 1000µL, hấp tiệt trùng	- Hộp đựng đầu tip 1000µL - 96 vị trí - Chất liệu: Polypropylene - Có thể hấp tiệt trùng	21-1000 hoặc tương đương	Biologix – Mỹ	Hộp	11
59	Hộp đựng đầu tip 200µL, hấp tiệt trùng	- Hộp đựng đầu tip 200µL - 96 vị trí - Chất liệu: Polypropylene - Có thể hấp tiệt trùng	21-0200 hoặc tương đương	Biologix – Mỹ	Hộp	11
60	Hộp đựng tuýp âm sâu 1,5ml-2ml 25 vị trí (5 màu khác nhau)	- Hộp đựng ống trữ lạnh - Chất liệu: polypropylene, có khả năng chống hoá chất với cồn và dung môi hữu cơ nhẹ - 25 vị trí - Kích thước: 75 x 75 x 53 mm - Tương thích với ống 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và lọ	90-9025 hoặc tương đương	Biologix	Cái	1

		đông lạnh - Nhiệt độ làm việc: -86°C đến 121°C				
61	Hộp giữ lạnh cho tế bào trước khi lưu trữ trong Nito lỏng (Cell Freezing Container Cryopreservation Procedure Gradient Cooling Box 2mL*18)	- Tên gọi khác: cryovials- Chất liệu: PE xốp- Dung tích: chứa 12 ống trữ lạnh 1-2mL- Đóng gói: 1 cái/gói- Phù hợp cho bảo quản lạnh- Kích thước (hxd): 10,11 cm × 11,7 cm, đường kính giếng 12,7 mm- Màu sắc: màu cam	BT1401 hoặc tương đương	BT Lab Systems	Cái	1
62	Kính chặn ánh sáng xanh và tia cực tím UV UNIVET 5X7.03.00.04	- Chặn 99,9% ánh sáng xanh và tia UV 525nm. - Độ dài của dây leo có thể được điều chỉnh, mềm mại và thoải mái khi đeo. - Màu ống kính: màu cam - Chất liệu: Khung/Nylon, Ống kính/Polycarbonate	5X7.03.00.04	UNIVET	Cái	2
63	Máng đựng môi trường (Solution Basins) 50mL	- Máng đựng hoá chất, không tiết trùng - Thể tích: 50m; - Chất liệu: PP	25-1202	Biologix-USA	Cái	3
64	Máng Đựng Môi Trường Nhựa Pp 12 Kênh	- Máng chứa hoá chất đáy dốc - Chất liệu: PS - Thể tích làm việc: 4ml - 12 kênh - Màu sắc: màu trắng - Vô trùng		Biologix	Cái	3
65	Mặt nạ phòng độc 3M 6200	- Mặt nạ nửa mặt bảo vệ hô hấp - Mặt nạ kết hợp với các loại phin lọc khác nhau để bảo vệ hô hấp cho người lao động khỏi các hóa chất có chứa hơi vô cơ, hữu cơ, acid		3M		2
66	Súng nhiệt BOSCH (1800W)	- Súng nhiệt/Máy thổi hơi nóng - Lưu lượng khí: 250 - 600 lít/phút - Nhiệt độ: 50 - 600 độ C - Công suất: 1800W		BOSCH	Cái	1
67	Micropipet cơ đơn kênh, dung tích nhỏ 0.1-2.5µl	- Phạm vi thể tích hút: 0,1-2,5µl - Thiết kế nhỏ gọn, có thể điều chỉnh được thể tích - Khả năng vận hành trơn chu, áp lực bơm tốt, việc tháo lắp đầu tip đơn giản, dễ dàng		DLAB	Cái	4

68	Micropipet cơ đơn kênh, dung tích nhỏ 0.5-10 μ l	- Phạm vi thể tích hút: 0,5-10 μ l - Thiết kế nhỏ gọn, có thể điều chỉnh được thể tích - Khả năng vận hành trơn chu, áp lực bơm tốt, việc tháo lắp đầu tip đơn giản, dễ dàng		DLAB	Cái	2
69	Micropipet cơ đơn kênh, dung tích nhỏ 10-100 μ l	- Phạm vi thể tích hút: 10-100 μ L - Bước nhảy thể tích: 0.1 μ L - Sự chính xác: $\pm 2.0\%$ (10 μ L), $\pm 0.8\%$ (100 μ L) - Độ chính xác: $\leq 1.0\%$ (10 μ L), $\leq 0.3\%$ (100 μ L)		DLAB	Cái	2
70	Micropipet Nichipet Premium 0.5-10 μ l	- Phạm vi thể tích hút: 0,5 $\sim$ 10 μ L - Bước nhảy thể tích: 0,01 μ L - Sự chính xác: $\pm 4,0\%$ (1 μ L); $\pm 1,0\%$ (5 μ L); $\pm 1,0\%$ (10 μ L) - Độ chính xác: $\leq 3,0\%$ (1 μ L); $\leq 1,0\%$ (5 μ L); $\leq 0,5\%$ (10 μ L)	00-NPP-10	Nichiryo	Cái	2
71	Micropipet Nichipet Premium 20-200 μ l	- Phạm vi thể tích hút: 20 $\sim$ 200 μ L- Bước nhảy thể tích: 0,2 μ L- Sự chính xác: $\pm 1,0\%$ (20 μ L); $\pm 0,8\%$ (100 μ L); $\pm 0,8\%$ (200 μ L)- Độ chính xác: $\leq 0,5\%$ (20 μ L); $\leq 0,3\%$ (100 μ L); $\leq 0,2\%$ (200 μ L)	00-NPP-200	Nichiryo	Cái	2
72	Micropipette Nichipet Ex Plus II 1000-5000 uL	- Phạm vi thể tích hút: 1000 $\sim$ 5000 μ L - Bước nhảy thể tích: 10 μ L - Sự chính xác: $\pm 1,0\%$ (1000 μ L); $\pm 0,8\%$ (2500 μ L); $\pm 0,6\%$ (5000 μ L) - Độ chính xác: $\leq 0,3\%$ (1000 μ L); $\leq 0,3\%$ (2500 μ L); $\leq 0,2\%$ (5000 μ L)		Nichiryo Nhận Bản	Cái	1
73	Micropipette Nichipet Ex Plus II 100-1000 uL	- Phạm vi thể tích hút: 100 $\sim$ 1000 μ L - Bước nhảy thể tích: 1 μ L - Sự chính xác: $\pm 1,0\%$ (100 μ L); $\pm 0,8\%$ (500 μ L); $\pm 0,7\%$ (1000 μ L) - Độ chính xác: $\leq 0,5\%$ (100 μ L); $\leq 0,3\%$ (500 μ L); $\leq 0,2\%$ (1000 μ L)		Nichiryo Nhận Bản	Cái	3
74	Micropipette Nichipet Ex Plus II 1-10 uL	- Phạm vi thể tích hút: 1 $\sim$ 10 μ L - Bước nhảy thể tích: 0,01 μ L - Sự chính xác: $\pm 4,0\%$ (1 μ L); $\pm 1,0\%$ (5 μ L); $\pm 1,0\%$ (10 μ L)		Nichiryo Nhận Bản	Cái	2

		- Độ chính xác: $\leq 3,0\%$ (1 μ L); $\leq 1,0\%$ (5 μ L); $\leq 0,5\%$ (10 μ L)				
75	Micropipette đơn kênh Eppendorf Research Plus, 500 - 5000 uL (Eppendorf Research Plus Adjustable Volume, Single Channel Pipette, 500 - 5000 uL, Purple)	- Phạm vi thể tích hút: 0,5-5ml Màn hình thể tích hiển thị 4 chữ số. Hệ piton siêu nhẹ và khả năng kháng hoá chất cao - Có thể hấp khử trùng		Eppendorf™, Đức	Cái	1
76	Micropipette 0.5-10 μ l	- Phạm vi thể tích hút: 1 ~ 10 μ L - Bước nhảy thể tích: 0,01 μ L - Sự chính xác: $\pm 4,0\%$ (1 μ L); $\pm 1,0\%$ (5 μ L); $\pm 1,0\%$ (10 μ L) - Độ chính xác: $\leq 3,0\%$ (1 μ L); $\leq 1,0\%$ (5 μ L); $\leq 0,5\%$ (10 μ L)	00-NPLO2-10	Nichiryo - Nhật Bản	cái	2
77	Micropipette 0.5-10 μ l (Micropipette đơn kênh dung tích: 0.5-10ul)	- Phạm vi thể tích hút: 0,5 – 10 μ L - Bước nhảy thể tích: 0,01 μ L - Sai số đo lường ngẫu nhiên: 0,5 μ L: $\pm 5\%$; $\pm 0,025$ μ L 1 μ L: $\pm 1,8\%$; $\pm 0,018$ μ L 5 μ L: $\pm 0,8\%$; $\pm 0,04$ μ L 10 μ L: $\pm 0,4\%$; $\pm 0,04$ μ L - Sai số đo lường hệ thống: 0,5 μ L: $\pm 8\%$; $\pm 0,04$ μ L 1 μ L: $\pm 2,5\%$; $\pm 0,025$ μ L 5 μ L: $\pm 1,5\%$; $\pm 0,075$ μ L 10 μ L: $\pm 1\%$; $\pm 0,1$ μ L - Có thể hấp khử trùng	Research Plus	Eppendorf	cái	1
78	Micropipette 100-1000 μ l (Micropipette đơn kênh dung tích: 100-1000ul)	- Phạm vi thể tích hút: 100 – 1000 μ L - Bước nhảy thể tích: 1 μ L - Sai số đo lường ngẫu nhiên: 100 μ L: $\pm 0,6\%$; $\pm 0,6$ μ L 500 μ L: $\pm 0,2\%$; ± 1 μ L 1000 μ L: $\pm 0,2\%$; ± 2 μ L - Sai số đo lường hệ thống:	Research Plus	Eppendorf	cái	2

		100 μ L: $\pm 3\%$; $\pm 3 \mu$ L 500 μ L: $\pm 1\%$; $\pm 5 \mu$ L 1000 μ L: $\pm 0,6\%$; $\pm 6 \mu$ L - Có thể hấp khử trùng				
79	Micropipette 10-100 μ l (Micropipette đơn kênh dung tích: 10-100 μ l)	- Phạm vi thể tích hút: 10 – 100 μ L - Bước nhảy thể tích: 0,1 μ L - Sai số đo lường ngẫu nhiên: 10 μ L: $\pm 1\%$; $\pm 0,1 \mu$ L 50 μ L: $\pm 0,3\%$; $\pm 0,15 \mu$ L 100 μ L: $\pm 0,2\%$; $\pm 0,2 \mu$ L - Sai số đo lường hệ thống: 10 μ L: $\pm 3\%$; $\pm 0,3 \mu$ L 50 μ L: $\pm 1\%$; $\pm 0,5 \mu$ L 100 μ L: $\pm 0,8\%$; $\pm 0,8 \mu$ L - Có thể hấp khử trùng	Research Plus	Eppendorf	cái	2
80	Micropipette Nichipet Ex Plus II 20-200 uL (Micropipette 20-200 uL)	- Phạm vi thể tích hút: 20~200 μ L - Bước nhảy thể tích: 0,2 μ L - Sự chính xác: $\pm 1,0\%$ (20 μ L); $\pm 0,8\%$ (100 μ L); $\pm 0,8\%$ (200 μ L) - Độ chính xác: $\leq 0,5\%$ (20 μ L); $\leq 0,3\%$ (100 μ L); $\leq 0,2\%$ (200 μ L)	00-NPLO2-200	Nichiryo - Nhật Bản	cái	3
81	Tiamo Spoon Cupping HD0197 (SCAA/CQI)- 8ml	- Muỗng kim loại - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: 16cm		Trung Quốc	Cái	12
82	Muỗng inox 2 đầu (Muỗng inox 2 đầu 21.5cm)	- Muỗng múc hoá chất 2 đầu - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: 21,5 cm		Trung Quốc	cái	20
83	Nhiệt kế điện tử	- Thiết kế cao cấp, dễ sử dụng - 4 chế độ đo trong 1 - Đầu bấm từ tính - Thời gian đo dưới một giây - Cảnh báo sốt bằng âm thanh và màu màn hình - Bộ nhớ 20 kết quả		Trung Quốc	Cái	14

		- Tự động tắt trong 10s khi không có tín hiệu - Độ chính xác: trán & tại: $\pm 0,1$				
84	Nhíp 16cm	- Nhíp nha, nhíp cong đầu - Kích thước: 16 cm - Chất liệu: inox không gỉ		Parkistan	cái	5
84	Nhíp dài 30cm, đầu tù, không máu	- Nhíp thẳng đầu tù không máu- Kích thước: 30 cm- - Chất liệu: inox không gỉ		Pakistan	Cái	5
86	Ống đong 100mL	- Ống đong 100ml - Thể tích: 100ml - Bước nhảy thể tích: 1ml - Dung sai: $\pm 0,5$ml - Có đế lục giác - Sản xuất từ thủy tinh Boro 3.3	213902402 hoặc tương đương	Duran-Đức	Cái	13
87	Ống đong 50 mL	- Ống đong 50ml - Thể tích: 50ml - Bước nhảy thể tích: 1ml - Dung sai: $\pm 0,5$ml - Có đế lục giác - Sản xuất từ thủy tinh Boro 3.3		Duran	Cái	10
88	Ống hút định lượng 10ml	- Dụng cụ phân phối định lượng chất lỏng - Phạm vi thể tích: lên đến 10ml - Thân pipet vừa khít với đầu kẹp silicon mềm dẻo và được giữ chặt tại vị trí. - Xoay bánh xe tay hiện có trên thân lên trên để hút chất lỏng chính xác đến mức mong muốn.		Marienfeld-Đức	Cái	20
89	Ống hút định lượng 2 ml	- Dụng cụ phân phối định lượng chất lỏng - Phạm vi thể tích: lên đến 2ml - Thân pipet vừa khít với đầu kẹp silicon mềm dẻo và được giữ chặt tại vị trí. - Xoay bánh xe tay hiện có trên thân lên trên để hút chất lỏng chính xác đến mức mong muốn.		Marienfeld-Đức	Cái	20

90	Ống nghiệm có nắp vặn	- Chất liệu: thủy tinh soda-lime.- Dung tích: 20ml- Đường kính: 18mm- Chiều cao: 180mm- Độ dày: 1mm- Nắp vặn nhựa PP đen, có đĩa đệm TPE.		Duran	Cái	55
91	Ống nghiệm thủy tinh (20x150mm)	Ống nghiệm trơn Chất liệu: Thủy tinh Borosilicate 3.3 Có khả năng chịu nhiệt độ cao và khả năng chịu sốc nhiệt		Trung Quốc	Cái	200
93	Ống Kjeldahl SR 3i (Test tubes Ø42x300 mm, 250 ml, cho máy phá mẫu)	- Ống nghiệm chuẩn được sử dụng rộng rãi để phân tích nitơ và protein theo phương pháp Kjeldahl - Kích thước: Ø42x300 mm - Dung tích: 250 ml	A00000144	Velp-Ý	Cái	6
94	(Ống rotor adaptor Eppendorf tương thích ống ly tâm 50ml) Eppendorf™ 50mL Falcon Tube Rotor Adapter	- Ống chuyển đổi chứa vừa đủ 01 ống ly tâm 50ml - Để sử dụng với máy ly tâm - Kích thước lỗ ống: 30mm	11562225	Eppendorf™, Đức	Gói/2 cái	1
95	Phễu chiết quả lê khóa nhựa 100ml	Được sử dụng trong phương pháp chiết, nhằm tách các thành phần cần cho quá trình phân tích và thí nghiệm khỏi các hợp chất và hỗn hợp dạng lỏng Chất liệu: Thủy tinh Khóa nhựa PTFE Dung tích: 100ml Có chia vạch Có khả năng chịu nhiệt và kháng hóa chất cao		Trung Quốc	Cái	10
96	Phễu chiết quả lê khóa nhựa 250ml	Được sử dụng trong phương pháp chiết, nhằm tách các thành phần cần cho quá trình phân tích và thí nghiệm khỏi các hợp chất và hỗn hợp dạng lỏng Chất liệu: Thủy tinh Khóa nhựa PTFE		Trung Quốc	Cái	20

		Dung tích: 250ml / Có chia vạch Có khả năng chịu nhiệt và kháng hóa chất cao				
97	Bình đo tỉ trọng 10ml	Bình đo tỷ trọng có nhiệt kế dung tích 10ml		Isolab	Cái	2
98	Que cấy trang/ que trải bằng inox (Que trang inox)	- Chất liệu: inox - Có thể hấp tiệt trùng, chịu nhiệt tốt - Có thể tái sử dụng nhiều lần, dễ dàng làm sạch		Việt Nam	Cây	10
99	Que cấy vi sinh, inox, đầu nhọn	- Chất liệu: inox - Đầu thẳng (đầu nhọn)		Việt Nam	Cây	5
100	Que cấy vi sinh, inox, đầu tròn	- Chất liệu: inox - Đầu tròn		Việt Nam	Cây	5
101	Que lấy cá từ	- Thiết kế vuông dài với chất liệu PTFE và phần đầu que là nam châm - Kích thước: 300 x 8 mm		Trung Quốc	Cây	1
102	PIPETMAN 4-Pipette Kit, P2, P20, P200, P1000	- Bộ 4 micropipette - Bao gồm các mã pipette: P2 / P20 / P200 / P1000 - Có thể hấp tiệt trùng (Đầu đầy, giá đỡ đầu và đai ốc kết nối có thể hấp tiệt trùng bằng hơi nước)	F167360	Gilson	Bộ/4 cái	1
103	Sàng thử mịn(Khung SS, kích thước lỗ 75 µm) (Fine test sieves - SS frame, pore size 75 µm)	- Khung SS, kích thước lỗ 75 µm - Chất liệu: thép không gỉ - Không vô trùng - Đóng gói: 1 cái/gói - Kích thước hạt: 200 mesh - Kích thước lỗ: 75 µm	Z400157-1EA	Sigma- aldrich	Cái	1
104	Vial 10ml tối màu có nắp	- Chất liệu: thủy tinh - Màu hổ phách - Có nắp vặn		Trung Quốc	Cái	100

105	Volumetric flask 250mL (Bình định mức 250 ML)	- Bình định mức 250mL - Thể tích: 250ml - Cổ: 14/23 - Dung sai: $\pm 0,12$ ml - Thủy tinh Flask Class A USP trong suốt - Có 1 vạch chia độ		Duran	Cái	4
-----	--	---	--	-------	-----	---

Đề nghị Quý công ty báo giá bổ sung các nội dung: Công thức hóa học, đặc tính kỹ thuật, mã hàng, hãng sản xuất (nếu có).

Quý Công ty báo đúng mặt hàng trong Thư mời chào giá, không báo mặt hàng tương tự.

Kính mời đơn vị tham gia cung cấp gửi thư chào giá về Trường Đại học Quốc tế.

+ Người nhận: Nguyễn Thị Thục Quyên

+ Phòng Vật tư Thiết bị (A2.612) - Trường Đại học Quốc tế

+ Địa chỉ: Khu phố 33, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Điện thoại liên hệ: 028.3724.4270 - Ext: 3555

+ **Ngoài Thư báo giá ghi rõ nội dung: Báo giá cho Thư mời chào giá số 169/BG-VTTB.**

Thời gian báo giá: **Đến hết ngày 05/8/2025.**

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: P.VTTB.

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Thanh Lịch